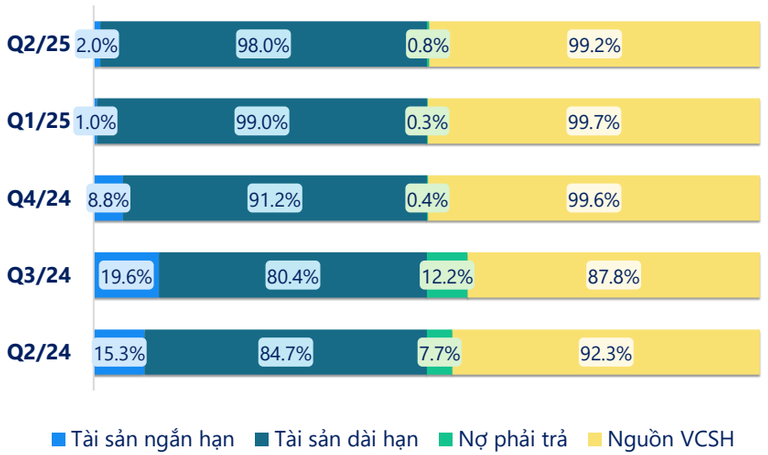
CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	8,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	32,219,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	257,070
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	264
P/E	178.7
EPS	46

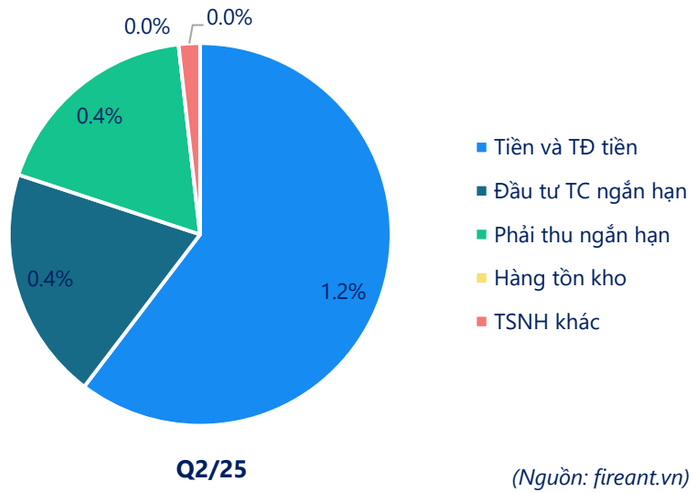
	YTD	1T	3T	6T
DST	34.4%	5.1%	49.1%	57.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



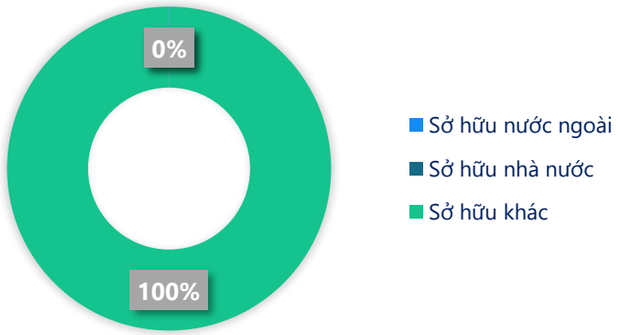
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



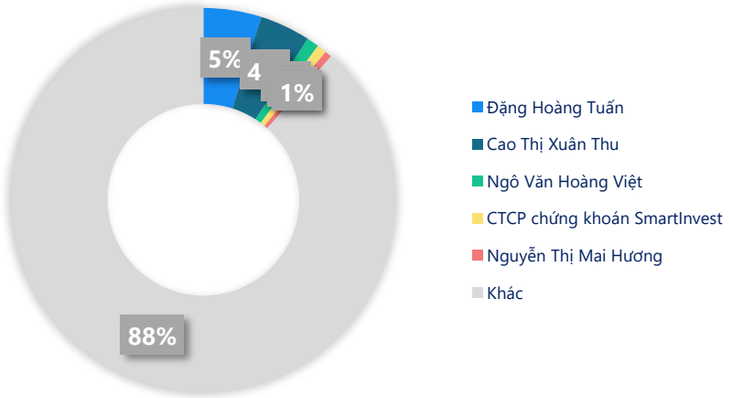
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



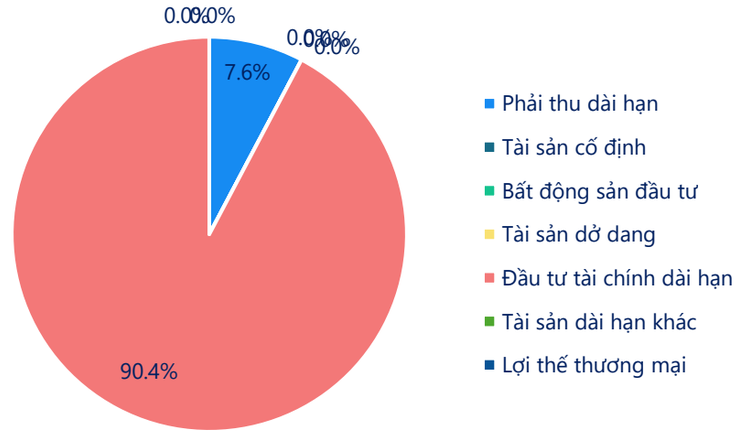
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

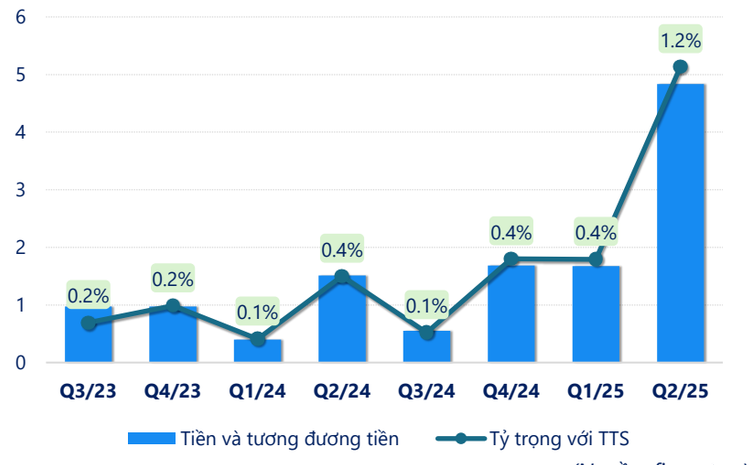


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

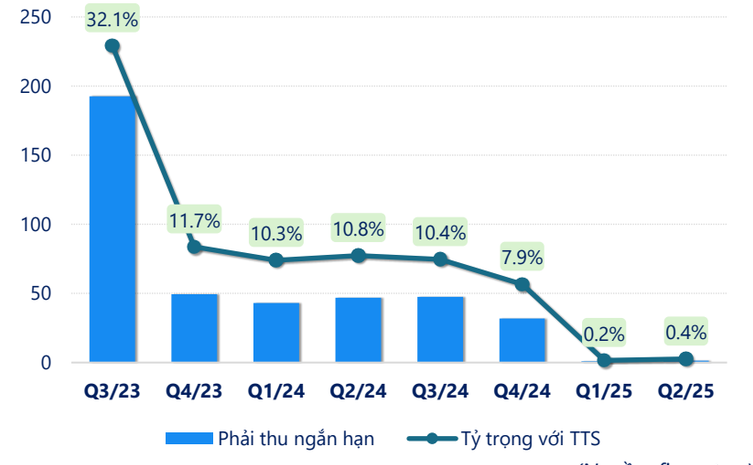
CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

Tiền và tương đương tiền



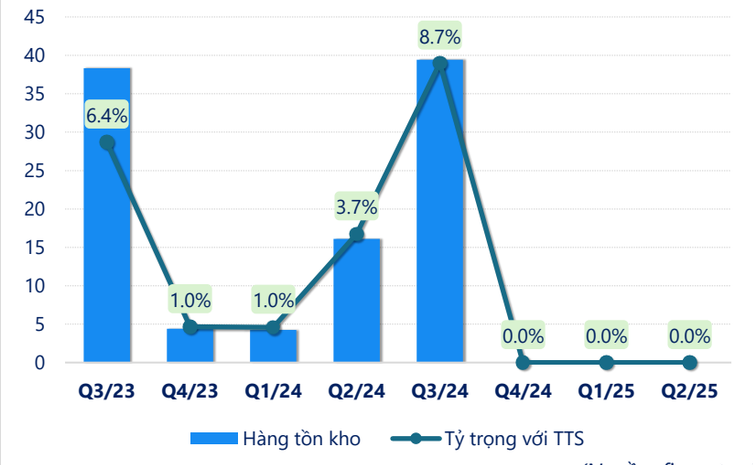
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



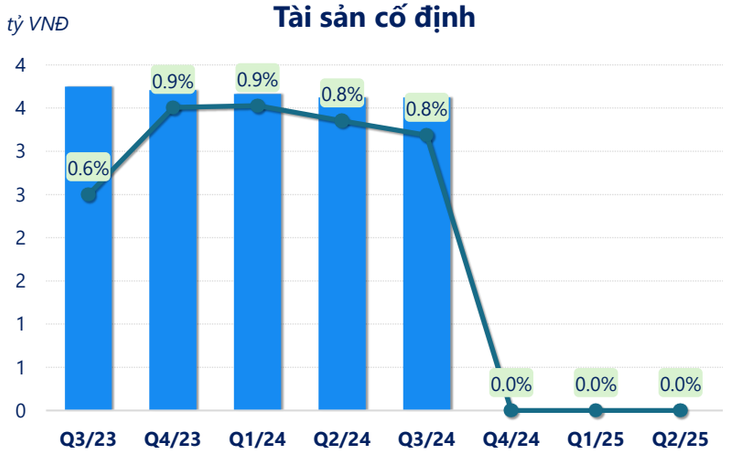
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



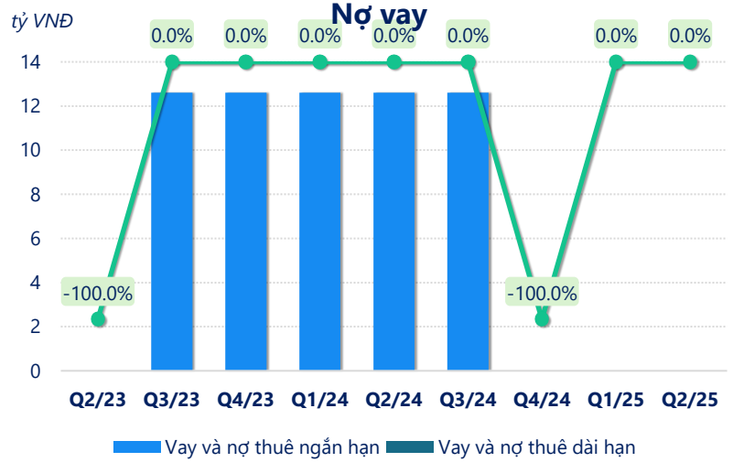
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



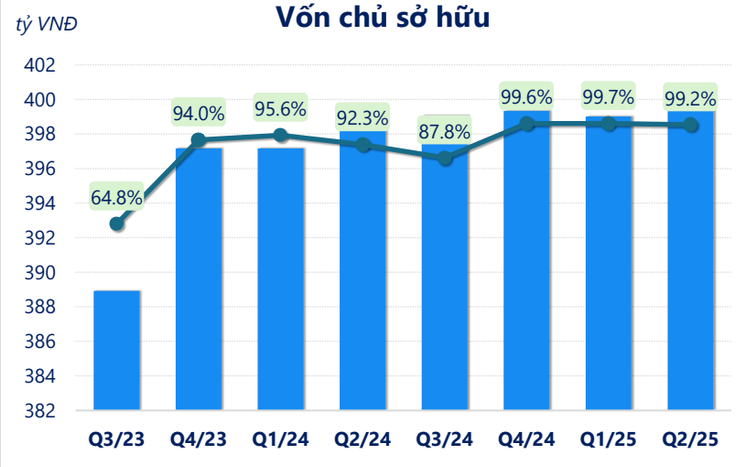
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

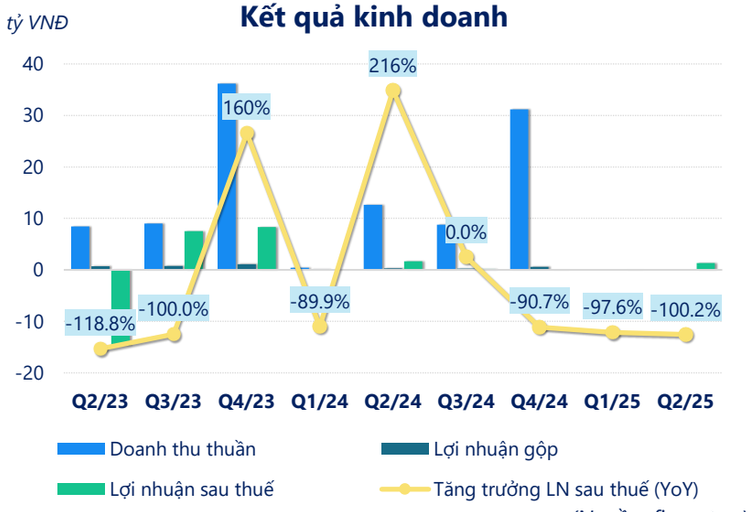


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

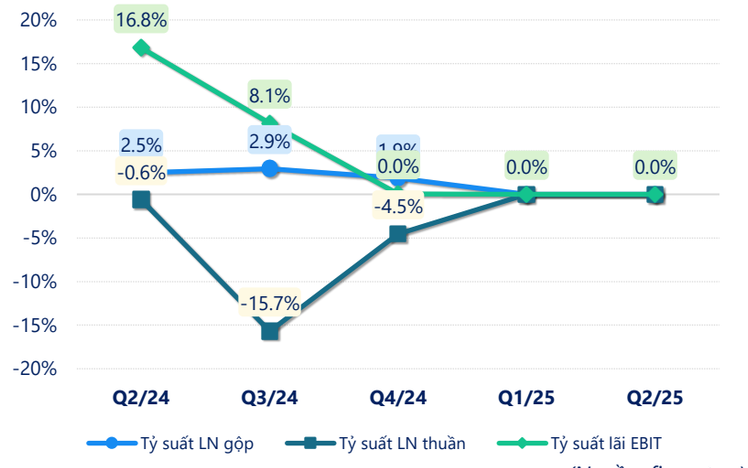
CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

Kết quả kinh doanh



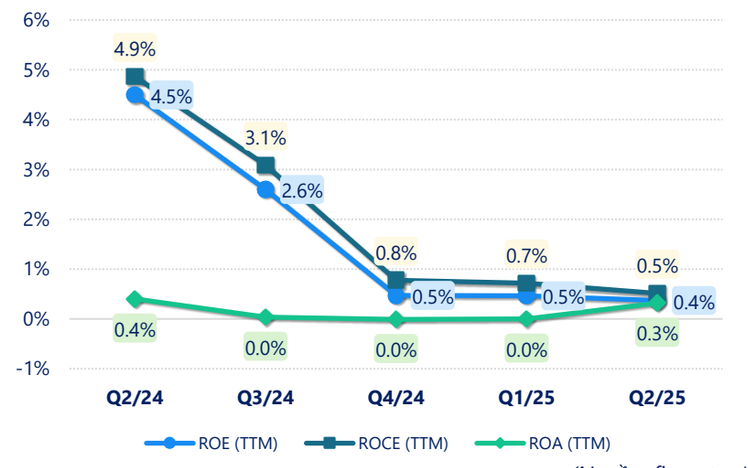
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



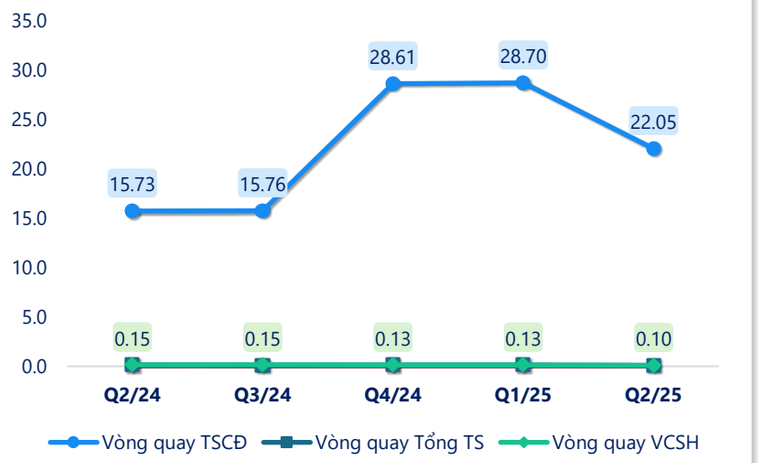
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



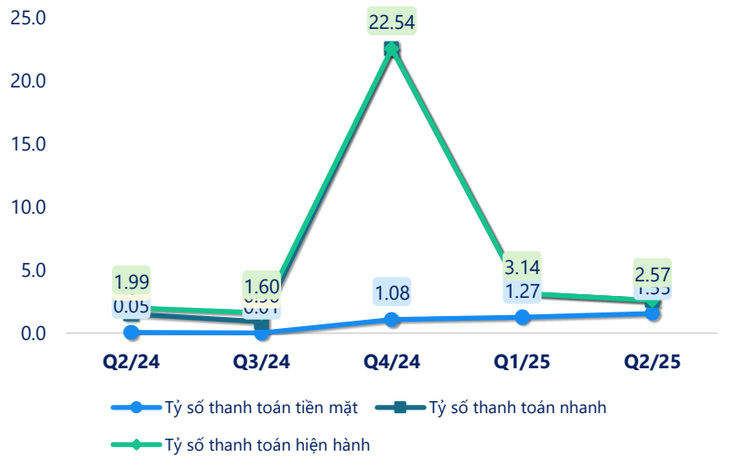
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



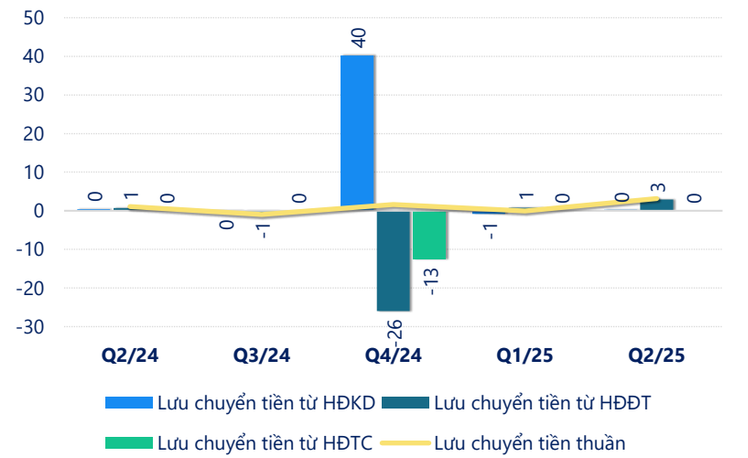
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Đầu tư Sao Thăng Long (HNX: DST)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**403**	**401**	**0.7%**
Tài sản ngắn hạn	8.01	4.35	84.1%
Tiền và tương đương tiền	4.84	1.69	187%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.58	1.73	-8.8%
Phải thu ngắn hạn	1.45	0.82	77.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.14	0.12	24.8%
Tài sản dài hạn	**395**	**396**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	30.6	31.0	-1.3%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	365	365	-0.1%
Tài sản dài hạn khác	**0.02**	**0.02**	**-28.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3.12	1.73	80.4%
Nợ ngắn hạn	**3.12**	**1.53**	**104%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.19	0.22	-14.9%
Nợ dài hạn	0	0.20	-100%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**400**	**399**	**0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**400**	**399**	**0.4%**
Vốn điều lệ	323	323	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	12.6	8.77	31.2	0	0
Giá vốn hàng bán	12.3	8.52	30.6	0	0
Lợi nhuận gộp	0.31	0.26	0.58	0	0
Doanh thu HĐTC	0.84	0.06	1.85	0.92	2.33
Chi phí TC	0.19	0.14	-0.13	0.25	0.25
Chi phí lãi vay	0.18	0.15	0	0	0
LN trong công ty LKLD	-0.11	-0.39	-0.86	0	0
Chi phí bán hàng	0.09	0.18	0.17	0	0
Chi phí QLDN	0.85	0.98	2.94	0.66	0.76
LN thuần từ HĐKD	-0.08	-1.38	-1.41	0.00	1.32
Lợi nhuận khác	2.03	1.94	1.43	0.00	0.00
LN trước thuế	1.95	0.57	0.01	0.00	1.32
Lợi nhuận sau thuế	1.69	0.20	-0.04	0.00	1.32
LNST của CĐ cty mẹ	1.69	0.20	-0.04	0.00	1.32

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.42	-0.26	40.2	-0.83	0.29
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.70	-0.70	-26.0	0.82	2.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-12.6	0	0
Tiền đầu kỳ	0.40	1.51	0.55	1.69	1.67
Lưu chuyển tiền thuần	**1.12**	**-0.96**	**1.61**	**-0.01**	**3.16**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.51	0.55	1.69	1.67	4.84

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic